TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 604/2025/HS-PT
Ngày 26 tháng 11 năm 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 264/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025, đối với bị cáo Trần Thị Kim T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Kim T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 654/2025/QĐPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2025.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Kim T, sinh ngày: 03/9/1991; tại: Thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2025 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay; bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an thành phố C. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thị Kim T: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo, cũng không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2023, do có nhu cầu lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô ba bánh bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh H tạm giữ do vi phạm hành chính và có mối quan hệ quen biết từ trước nên Nguyễn Như Ý đã liên hệ với Trần Thị Kim T để nhờ Thùy giúp và được T giới thiệu với ông Phan Ngọc T1 (ông T1 là cậu ruột của T). Do đó, Ý đã chuyển cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng để làm chi phí đi lại, ăn uống, mục đích để ông T1 giúp đỡ trong việc nhận lại giấy đăng ký xe. Sau đó, do ông T1 không giúp được việc Ý lấy lại giấy đăng ký xe nên đã trả lại tiền cho Ý. Đến đầu tháng 12/2023 T nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ý nên T đưa ra thông tin gian dối là ông T1 có giới thiệu cho T quen biết với ông Huỳnh Việt H1 là Giám đốc Công an tỉnh H và T sẽ liên hệ để nhờ giúp đỡ cho Ý được nhận lại giấy đăng ký xe. Sau đó, T đưa cho Ý số tài khoản của một số người và nói với Ý là của Cán bộ thuộc Phòng C1 Công an tỉnh H và được ông H1 giới thiệu để kêu Ý chuyển tiền cho các cán bộ trên tạo điều kiện cho Ý được nhận lại giấy đăng ký xe. Do tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên Ý đã 22 lần chuyển tiền theo yêu cầu của T vào các số tài khoản do T cung cấp như sau: số tài khoản 1021441738 của Trần Kim K mở tại Ngân hàng V2 với tổng số tiền: 78.300.000 đồng; số tài khoản 0383551139 của Nguyễn Hoàng T2 mở tại Ngân hàng M với tổng số tiền: 5.000.000 đồng, số tài khoản 7005205215193 của Nguyễn Huỳnh N mở tại Ngân hàng A với tổng số tiền: 5.000.000 đồng, số tài khoản 5590206267645 của Trần Văn V mở tại Ngân hàng A với số tiền 5.000.000 đồng và số tài khoản 19037231318013 của Quách Chí C với số tiền: 12.000.000 đồng, tổng cộng: 105.300.000 đồng, rồi T chiếm đoạt số tiền này sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đến khoảng đầu tháng 7/2024, T thông báo cho Ý biết việc Cơ quan Cảnh sát giao thông không chịu giúp đỡ cho Ý nhận lại giấy đăng ký xe và do T bận đi làm ăn xa nên không thể liên hệ Giám đốc Công an tỉnh H để nhờ giúp đỡ cho Ý, rồi T cung cấp cho Ý số điện thoại 0796288272 và nói là của ông Huỳnh Việt H1 hiện đang là Giám đốc Công an tỉnh H để kêu Ý liên hệ trực tiếp để nhờ giúp đỡ (thực chất số điện thoại trên là của Thùy đang trực tiếp sử dụng). Sau đó Ý kết bạn Zalo với số điện thoại trên thì T đóng giả Giám đốc Công an tỉnh H nhắn tin cho Ý và có cho Ý biết là T có liên hệ nhờ giúp đỡ cho Ý được nhận lại giấy đăng ký xe cũng như hứa

hẹn giúp đỡ cho Ý lấy lại số tiền mà Ý đã đưa nêu trên. Đến khoảng giữa tháng 7/2024, T tiếp tục đóng giả Giám đốc Công an tỉnh H nhắn tin cho Ý và đưa ra nhiều lý do như: Đang bị kỷ luật, bị tạm giữ giấy *tờ,* tài sản, đang ly hôn vợ,... để hỏi mượn tiền của Ý lo cho các công việc nói trên thì Ý đồng ý. Do đó, Ý đã 64 lần chuyển tiền vào các số tài khoản do T cung cấp gồm: Số tài khoản 1021441738 của Trần Kim K mở tại Ngân hàng V2 với tổng số tiền: 15.600.000 đồng; số tài khoản 070122211043 của Huỳnh V1 mở tại Ngân hàng S1 với tổng số tiền: 852.700.000 đồng và số tài khoản 0441000720178 của Huỳnh Hữu P với tổng số tiền 21.500.000 đồng mở tại Ngân hàng V2. Tổng cộng 889.800.000 đồng, rồi T chiếm đoạt số tiền này sử dụng vào mục đích cá nhân.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 6/2024 T còn sử dụng số điện thoại 0901080525 do Phạm Trọng N1 (là người chung sống như vợ chồng với T) quản lý, sử dụng và nhờ người bán vé số mạo danh ông Trương Minh K1 hiện đang là Phó tư lệnh Quân khu I gọi điện cho Nguyễn Như Ý, mục đích là để ông K1 đứng ra liên hệ với ông Huỳnh Việt H1 để giải quyết cho Ý được nhận lại giấy đăng ký xe và số tiền mà Ý đã cho ông H1 mượn trước đó.

Quá trình điều tra, Trần Thị Kim T đã thừa nhận mặc dù không quen biết với ông Huỳnh Việt H1, Giám đốc Công an tỉnh H cũng như không có khả năng lấy được giấy chứng nhận đăng ký xe cho Nguyễn Như Ý nhưng bằng nhiều thủ đoạn gian dối khác nhau như: Thùy có quen biết với ông Huỳnh Việt H1 hiện đang làm Giám đốc Công an tỉnh H và cung cấp số điện thoại 0796288272 và nói là của ông Huỳnh Việt H1 để Ý tự liên hệ nhưng thực chất số điện thoại trên là của T đang trực tiếp sử dụng để Ý tin tưởng chuyển tiền cho các số tài khoản mà bị cáo cung cấp.

Tổng số tiền mà T dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của là: 995.100.000 đồng và số tiền này T đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đối với Trần Kim K, Quách Chí C, Huỳnh V1, Trần Văn V, Nguyễn Huỳnh N, Nguyễn Hoàng T2, Huỳnh Hữu P, Đặng Kim N2 cung cấp số tài khoản cho T mượn để Nguyễn Như Ý chuyển tiền vào thì những người này hoàn toàn không biết việc làm vi phạm pháp luật của Trần Thị Kim T, không bàn bạc hay thống nhất với T để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Như Ý. Đồng thời khi cung cấp số tài khoản cho T mượn để cho Ý thực hiện việc chuyển tiền thì họ hoàn toàn tin tưởng vào những thông tin gian dối của T đưa ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

1. Về tội danh, điều luật và hình phạt

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2025.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/9/2025, bị cáo Trần Thị Kim T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" là đúng. Tuy nhiên hình phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, bị cáo hiện đang phải nuôi hai con nhỏ, có ông ngoại và cậu là người có công với cách mạng. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về chăm lo cho các con.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ do bị cáo trình bày tại phiên tòa đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi hai con nhỏ, cha mẹ già; gia đình bị cáo rất khó khăn, nhưng đã cố gắng khắc phục cho bị hại 5.000.000 đồng, tuy là số tiền nhỏ, nhưng thể hiện sự ăn năn, hối hận của bị cáo đối với hành vi mà mình gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất nội dung bào chữa của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Trần Thị Kim T kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xác định đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nên bị cáo bị xét xử về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" là đúng. Tuy nhiên mức hình phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Vì vậy, bị cáo chỉ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

[3] Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Lợi dụng việc bị hại Nguyễn Như Ý có nhu cầu lấy lại giấy đăng ký xe mô tô 03 bánh đang bị tạm giữ do vi phạm hành chính nên Trần Thị Kim T đã đưa

ra nhiều thông tin gian dối như có quen biết và cho số điện thoại nói là của Giám đốc Công an tỉnh H để bị hại Ý liên hệ nhờ giúp đỡ nhưng thực chất bị cáo T đang trực tiếp sử dụng số điện thoại này để nhắn tin với bị hại Ý, hứa sẽ giúp đỡ rồi lấy nhiều lý do để mượn tiền, bị cáo còn giả danh vợ chồng Phó Tư lệnh Quân khu I để nhắn tin, gọi điện, làm cho bị hại Ý tin tưởng thông tin bị cáo T đưa ra là thật. Sau đó, bị cáo T gửi các số tài khoản tên Trần Kim K, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Huỳnh N, Trần Văn V, Quách Chí C, Huỳnh V1, Huỳnh Hữu P để bị hại Ý thực hiện việc chuyển khoản 86 lần với tổng số tiền 995.100.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

[4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trần Thị Kim T đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim T, thấy rằng: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ tình tiết giảm nhẹ do Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt là đúng quy định và xử phạt bị cáo 1 (mười ba) năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim T.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

4. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục giam bị cáo Trần Thị Kim T để bảo đảm thi hành án.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Kim T phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án BĐA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Cầu